

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

NGÀY THI: 21/10/2017; NGÀY CẤP: 01/11/2017

(Danh sách ban hành kèm theo quyết định số 1630/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số hiệu	Số vào sổ	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	Hoàng Văn	Bắc	CNTT01	13/8/1967	Nghĩa Hưng - Lạng Giang - Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	CNTTCB380	0163301	
2	Nguyễn Thị	Bích	CNTT02	06/10/1971	Quang Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	6.7	6.0	Đạt	CNTTCB381	0163302	
3	Hoàng Văn	Chuyên	CNTT04	14/10/1979	Nghĩa Hưng - Lạng Giang - Bắc Giang	5.5	5.5	Đạt	CNTTCB382	0163303	
4	Đỗ Văn	Công	CNTT05	17/7/1968	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	CNTTCB383	0163304	
5	Đoàn Thị	Dịu	CNTT06	05/01/1994	An Đức - Ninh Giang - Hải Dương	5.7	7.5	Đạt	CNTTCB384	0163305	
6	Hoàng Thị	Dịu	CNTT07	04/10/1970	Mỹ Thái - Lạng Giang - Bắc Giang	7.7	5.0	Đạt	CNTTCB385	0163306	
7	Đỗ Thị	Dung	CNTT08	08/6/1987	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.5	7.0	Đạt	CNTTCB386	0163307	
8	Nguyễn Thị	Dung	CNTT09	23/11/1986	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	5.5	6.5	Đạt	CNTTCB387	0163308	
9	Thân Mạnh	Dũng	CNTT10	30/8/1995	Nội Hoàng - Yên Dũng - Bắc Giang	7.0	7.5	Đạt	CNTTCB388	0163309	
10	Đào Văn	Dự	CNTT11	17/5/1977	Tân Đình - Lạng Giang - Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	CNTTCB389	0163310	
11	Nguyễn Công	Dưỡng	CNTT12	19/01/1962	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	7.5	6.5	Đạt	CNTTCB390	0163311	
12	Nguyễn Thu	Hà	CNTT13	05/3/1990	An Sơn - Thủy Nguyên - Hải Phòng	7.5	5.5	Đạt	CNTTCB391	0163312	
13	Khương Thị Thuý	Hoa	CNTT14	06/4/1991	Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	CNTTCB392	0163313	
14	Thân Thị	Hồng	CNTT15	03/4/1995	Hợp Đức - Tân Yên - Bắc Giang	7.5	5.0	Đạt	CNTTCB393	0163314	
15	Hà Thị	Hương	CNTT16	28/6/1978	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	CNTTCB394	0163315	
16	Mạc Văn	Hương	CNTT17	02/8/1972	Đào Mỹ - Lạng Giang - Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	CNTTCB395	0163316	
17	Nguyễn Văn	Hương	CNTT18	07/9/1984	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	7.7	7.0	Đạt	CNTTCB396	0163317	
18	Trần Thị Thanh	Hương	CNTT19	18/11/1995	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	8.2	6.5	Đạt	CNTTCB397	0163318	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số hiệu	Số vào sổ	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
19	Thân Văn	Khánh	CNTT20	05/9/1989	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7.0	7.0	Đạt	CNTTCB398	0163319	
20	Nguyễn Văn	Khương	CNTT21	23/11/1973	Nghĩa Hưng - Lạng Giang - Bắc Giang	7.7	6.5	Đạt	CNTTCB399	0163320	
21	Đặng Văn	Kiểm	CNTT22	25/8/1978	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	CNTTCB400	0163321	
22	Đặng Đình	Kiên	CNTT23	17/12/1966	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	7.2	5.5	Đạt	CNTTCB401	0163322	
23	Ngô Xuân	Kiện	CNTT24	12/10/1974	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	CNTTCB402	0163323	
24	Đỗ Thị Hồng	Liên	CNTT25	02/9/1988	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	7.2	7.0	Đạt	CNTTCB403	0163324	
25	Trần Thị	Liên	CNTT26	02/9/1995	Biển Động - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.5	5.0	Đạt	CNTTCB404	0163325	
26	Phan Hải	Long	CNTT27	09/6/1996	Minh Châu - Yên Mỹ - Hưng Yên	7.2	7.0	Đạt	CNTTCB405	0163326	
27	Nguyễn Văn	Luân	CNTT28	09/10/1995	Tân Mỹ - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7.7	5.0	Đạt	CNTTCB406	0163327	
28	Nguyễn Văn	Mùi	CNTT29	06/9/1967	Mỹ Thái - Lạng Giang - Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	CNTTCB407	0163328	
29	Nguyễn Thanh	Ngà	CNTT30	07/6/1993	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7.2	7.0	Đạt	CNTTCB408	0163329	
30	Trần Trung	Nghĩa	CNTT31	27/12/1994	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7.0	6.0	Đạt	CNTTCB409	0163330	
31	Tạ Thị	Nguyên	CNTT32	02/8/1995	Đồng Sơn - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	8.0	6.0	Đạt	CNTTCB410	0163331	
32	Đặng Thị	Nguyệt	CNTT33	22/6/1995	Hồng Giang - Lục Ngạn - Bắc Giang	7.2	5.0	Đạt	CNTTCB411	0163332	
33	Nguyễn Văn	Phê	CNTT34	03/7/1988	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	CNTTCB412	0163333	
34	Hoàng Châu	Phương	CNTT35	11/7/1985	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6.2	6.5	Đạt	CNTTCB413	0163334	
35	Nguyễn Văn	Phương	CNTT36	04/3/1975	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6.2	5.5	Đạt	CNTTCB414	0163335	
36	Dương Đăng	Quyền	CNTT37	20/10/1973	Đại Lâm - Lạng Giang - Bắc Giang	6.0	6.5	Đạt	CNTTCB415	0163336	
37	Đặng Thị Hường	Song	CNTT38	31/7/1977	Tân Đình - Lạng Giang - Bắc Giang	6.2	7.5	Đạt	CNTTCB416	0163337	
38	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	CNTT39	02/10/1992	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	6.7	8.0	Đạt	CNTTCB417	0163338	
39	Lò Văn	Thắng	CNTT40	12/4/1996	Mường Mít - Than Uyên - Lai Châu	7.7	7.0	Đạt	CNTTCB418	0163339	
40	Nguyễn Thị	Thơm	CNTT41	28/9/1986	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	7.5	6.5	Đạt	CNTTCB419	0163340	
41	Nguyễn Thị	Thúy	CNTT42	28/02/1970	Đào Mỹ - Lạng Giang - Bắc Giang	6.0	6.5	Đạt	CNTTCB420	0163341	
42	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	CNTT43	02/9/1990	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	7.0	7.0	Đạt	CNTTCB421	0163342	

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số hiệu	Số vào sổ	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
43	Lê Thị Hồng	Thuý	CNTT44	28/5/1994	Hợp Đức - Tân Yên - Bắc Giang	7.2	6.5	Đạt	CNTTCB422	0163343	
44	Trần Đức	Toản	CNTT45	18/5/1991	Bồ Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	7.5	7.0	Đạt	CNTTCB423	0163344	
45	Phạm Văn	Trung	CNTT46	03/6/1967	Hương Sơn - Lạng Giang - Bắc Giang	6.7	5.5	Đạt	CNTTCB424	0163345	
46	Nguyễn Văn	Tuấn	CNTT47	22/12/1968	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6.2	7.0	Đạt	CNTTCB425	0163346	
47	Ngô Thị	Túc	CNTT48	18/12/1984	Dương Đức - Lạng Giang - Bắc Giang	6.5	5.5	Đạt	CNTTCB426	0163347	
48	Chu Thị Thanh	Vân	CNTT49	15/11/1970	Tân An - Yên Dũng - Bắc Giang	6.5	6.0	Đạt	CNTTCB427	0163348	
49	Nguyễn Hồng	Vân	CNTT50	23/12/1990	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	7.0	7.0	Đạt	CNTTCB428	0163349	
50	Dương Đức	Việt	CNTT51	01/10/1972	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6.2	5.0	Đạt	CNTTCB429	0163350	
51	Nguyễn Đức	Vinh	CNTT52	25/9/1978	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7.5	5.5	Đạt	CNTTCB430	0163351	
52	Trần Thế	Vinh	CNTT53	26/10/1994	Tân Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang	7.0	7.0	Đạt	CNTTCB431	0163352	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 52

Chủ tịch Hội đồng xét kết quả thi

(Đã Ký)

TS. Đoàn Văn Soạn

Thư ký Hội đồng xét kết quả thi

(Đã Ký)

ThS. Nguyễn Việt Đức

Bắc Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng thi

(Đã Ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền